TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỚN QUẢN
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hnh Phúc

Bản án số: 54/2024/DS-ST
Ngày: 16-09-2024
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỚN QUẢN, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Đình Thuyên
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Quốc Vượng
2. Bà Trương Thị Ngọc Linh

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Trọng Lợi– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hớn Quản tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Hữu Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự thụ lý số: 16/2024/TLST-DS ngày 23 tháng 01 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2024/QĐXXST- DS ngày 15/8/2024; quyết định hoãn phiên tòa số 57/2024/QĐST-DS ngày 29/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà L T K L, sinh năm 1961
Địa chỉ: Tổ 06, khu phố P T, phường A L, thị xã B L, tỉnh B P.
Người đại diện theo ủy quyền của bà L: Bà P T C B, sinh năm 1988.
Địa chỉ: ấp 1A, xã M Đ, huyện H Q, tỉnh Bình Phước.
Bị đơn: Ông D V P, sinh năm 1974
Bà N T H L, sinh năm 1976
Địa chỉ: Tổ 5, ấp A S, xã T A, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.
Người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan:
-Ông N V S, sinh năm 1974
Địa chỉ: ấp A H, xã T A, huyện H Q, tỉnh Bình Phước.
Ông Đ H, sinh năm 1991
Bà T D, sinh năm 2002
Cùng địa chỉ: Ấp P L – T L, xã T A, huyện H Q, tỉnh B P.
Người đại diện theo ủy quyền của bà L, ông P:

Bà N T H, sinh năm 1989

Địa chỉ: Tổ 02, ấp 1, xã Đ N, huyện H Q, tỉnh B P.

(Nguyên đơn bà L vắng mặt, người đại diện theo ủy quyền của bà L là bà Bình vắng mặt có đơn xin vắng, bị đơn ông P, bà L vắng mặt, người đại diện theo ủy quyền của ông P, bà L là bà Hằng vắng mặt không có lý do; Người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan ông N V S, ông Đ H, bà T D vắng mặt có đơn xin vắng).

NỘI DNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà L T K L, người đại diện theo ủy quyền của bà L là bà Phạm Thị Cẩm Bình vắng mặt tuy nhiên tại đơn khởi kiện đề ngày 30 tháng 11 năm 2023, quá trình giải quyết vụ án thống nhất trình bày:

Vào ngày 22/5/2017 bà L có cho ông P, bà L vay số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng). Hai bên có làm giấy vay tiền và hẹn 10 ngày sẽ hoàn trả số tiền nói trên, đối với tiền lãi thì hai bên tự thỏa thuận. Tuy nhiên, đến ngày hẹn ông P, bà L không thanh toán số tiền nói trên cho bà L.

Đến ngày 04/7/2023 ông P cùng vợ là bà L tiếp tục vay của bà L số tiền 1.400.000.000đ (Một tỷ bốn trăm triệu đồng). Hai bên có làm giấy vay tiền, lãi suất do hai bên tự thỏa thuận, ông P hẹn 60 ngày sẽ hoàn trả số tiền nói trên. Ngoài ra ông P có gửi 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BK 159400 đứng tên ông N V S và DH 958538 đứng tên ông Đ H để làm tin. Cho đến nay đã quá Hn nhưng ông P, bà L vẫn không thanh toán nợ cho bà L.

Tổng số tiền ông P, bà L vay của bà L là 1.450.000.000đ (Một tỷ bốn trăm năm mươi triệu đồng). Bà L đã nhiều lần gọi điện thoại cũng như trực tiếp gặp để yêu cầu ông P, bà L thanh toán nhưng ông, bà lấy nhiều lý do để không trả nợ gốc và lãi cho bà L.

Nay bà L yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước giải quyết buộc ông P, bà L trả cho bà L 1.400.000.000đ và tính lãi suất đối với số tiền 1.400.000.000đ (một tỷ bốn trăm triệu đồng) từ ngày 04/7/2023 cho đến khi tòa án xét xử với mức lãi suất là 0,83%/tháng.

Tiền cho vay là là tiền riêng của bà L, không L quan đến các thành viên trong gia đình bà L.

Đối với số tiền 50.000.000đ vay ngày 22/5/2017 bà L rút yêu cầu khởi kiện.

Bà L đồng ý trả 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông S, ông H.

Do công việc bận bịu nên phía nguyên đơn xin vắng mặt tại các phiên tòa xét xử

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông P là bà Nguyễn Thị Hằng vắng mặt tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án thống nhất trình bày:

Ông D V P và bà L T K L có mối quan hệ quen biết thông qua việc vay mượn tiền từ năm 2017 đến nay. Cụ thể: Ngày 22/5/2017, ông P có mượn nóng của bà L số tiền gốc 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), thỏa thuận lãi cứ vay 1 triệu thì lãi 01 ngày là 2000đ (Hai nghìn đồng) và hẹn 10 ngày sẽ trả lại. Sau đó, ông P có nhiều lần vay tiền của bà L đều vay thời gian ngắn và đã sắp xếp trả được một số khoản lãi như các bên thỏa thuận. Tuy nhiên, sau mỗi lần vay tiền của bà L thì bà L lại yêu cầu ghi một giấy mới trong đó cộng gộp cả gốc và lãi chưa trả vào, cho hẹn lại thời gian trả mới. Trong số tiền 1.450.000đ (Một tỷ bốn trăm năm mươi triệu đồng) mà bà L khởi kiện là tiền gốc và chưa trả tiền lãi. Ông P có gửi cho bà L 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông H, ông S để làm tin, sau đó sẽ chuộc lại nhưng sau đó vì khó khăn về kinh tế, không bán được đất nên tiền xoay vòng có khó khăn chưa trả được cho bà L.

Trước yêu cầu của bà L thì ông P chỉ đồng ý trả nợ gốc cho bà L 1.400.000.000đ. Đối với khoản tiền lãi đồng ý trả theo yêu cầu của bà L tuy nhiên do khó khăn nên xin giảm 50% tiền lãi.

Đối với số tiền 50.000.000đ vay ngày 22/5/2017 bà L đã rút yêu cầu nên ông P không có ý kiến gì

Đối với việc cầm 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà L T K L: Ông P có gửi cho bà L 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm tin, sau đó sẽ chuộc lại nhưng sau đó vì khó khăn về kinh tế, không bán được đất nên tiền xoay vòng có khó khăn chưa trả được cho bà L. Việc gửi 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà L thì ông P không nói cho ông N V S và ông Đ H biết. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông N V S thì do ông S là anh vợ của ông P, ông S thường xuyên uống rượu nên có gửi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông P giữ. Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Đ H, thì thửa đất số 524 tờ bản đồ số 11 ông H cũng đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông P để thuận tiện làm thủ tục tách thửa. Do đó, khi gửi cho bà L 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này để làm tin thì ông P không nói cho ông Đ H biết.

-Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà N T H L là bà N T H vắng mặt tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án thống nhất trình bày:

Bà N T H L là vợ của ông D V P. Về việc vay tiền giữa ông D V P và bà L T K L thì bà L hoàn toàn không biết cho đến khi ông P không có khả năng để trả lãi cho bà L. Ông P có nói lại cho bà L về việc có vay của bà L số tiền gốc là 1.450.000.000đ, chưa trả lãi cho bà L.

Trước yêu cầu khởi kiện của bà L thì bà L đồng ý cùng ông P trả tiền đã vay cho bà L 1.400.000đ (Một tỷ bốn trăm triệu đồng). Đối với khoản tiền lãi đồng ý trả theo yêu cầu của bà L tuy nhiên do khó khăn nên xin giảm 50% tiền lãi. Đối với số

tiền 50.000.000đ vay ngày 22/5/2017 bà L đã rút yêu cầu nên bà L không có ý kiến gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ L qua ông Đ H vắng mặt tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án trình bày:

Ông Đ H và ông P, bà L không có quan hệ họ hàng gì mà chỉ quen biết ngoài xã hội. Ông Đ H không có quan hệ họ hàng và không quen biết bà L.

Thửa đất số 524, tờ bản đồ 11 diện tích 16281,0m^2 tọa lạc ấp Bù Dinh, xã Thanh An, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số sổ phát hành DH 958538, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS 10423 do sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Phước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Đ H. Nguồn gốc thửa đất này do ông Đ H nhận thừa kế từ cha mẹ ông Đ H. Ông Đ H và em gái là T D cùng được thừa kế và ông Đ H là người đại diện đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông Đ H không giữ vì năm 2022 ông Đ H có chuyển nhượng cho ông D V P một phần quyền sử dụng đất với diện tích 13704,3 m^2 . Toàn bộ thủ tục chuyển nhượng tách thửa ông P thực hiện. Ông Đ H có đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản gốc cho ông P đi làm thủ tục tách thửa chuyển nhượng. Phần diện tích sau khi tách thửa của ông Đ H còn lại là 2576,7 m^2. Ông Đ H không biết việc ông P vay tiền và L và cũng không đưa cho ông P giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay tiền bà L, tôi chỉ đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông P nhằm mục đích tách thửa khi chuyển nhượng. Ông Đ H cũng không vay tiền bà L và cũng không sử dụng số tiền ông P vay bà L. Ông Đ H không đồng ý việc ông P đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Đ H cho bà L giữ để vay tiền. Việc bà L giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Đ H để cho ông P vay tiền là không đúng và chưa được sự đồng ý của ông Đ H. Nay ông Đ H yêu cầu bà L T K L phải trả lại cho ông Đ H giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 524, tờ bản đồ 11 diện tích 16281,0m^2 tọa lạc ấp Bù Dinh, xã Thanh An, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước số sổ phát hành DH 958538, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS 10423 do sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Phước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Đ H. Sau khi tách thửa ông Đ H nhiều lần yêu cầu ông P trả sổ đất cho ông Đ H nhưng ông P nói đang cấp nhật đường đi trên sổ đất nên chưa trả cho ông Đ H. Chị T D, sinh năm 2002- Địa chỉ: ấp Phùm Lu- Tư Ly, xã Thanh An, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước là em gái ông Đ H, có cùng quyền sử dụng đất với ông Đ H và ông Đ H đại diện đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Mọi ý kiến của ông Đ H là ý kiến của em gái chị T D. Do công việc bận bịu nên phía ông H xin vắng mặt tại các phiên tòa xét xử.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan bà T D vắng mặt tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án bà T D trình bày:

Bà T D là em gái ông Đ H, thống nhất với lời khai ông Đ H. Mọi ý kiến của ông Đ H là ý kiến của bà T D. Do công việc bận bịu nên bà T D xin vắng mặt đến khi vụ án giải quyết xong

Người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan ông N V S vắng mặt tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án ông S trình bày:

Ông S là anh ruột bà L; ông P là chồng bà L và là em rể ông S. Thửa đất số 91, tờ bản đồ 13 diện tích 7884,8m^2 tọa lạc ấp An Hòa, xã Thanh An, có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số sổ phát hành BK 159400, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 00936 do UBND huyện Hớn Quản cấp cho ông S ngày 31/8/2012. Đây là tài sản riêng của ông S. Do ông S hay ăn nhậu, say xỉn nên năm 2012 có nhờ em rể là ông D V P giữ giùm bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để tránh thất lạc. Ông S không biết việc ông P vay tiền bà L và ông S cũng không vay tiền bà L và cũng không sử dụng số tiền ông P vay bà L. Ông S không đồng ý việc ông P tự ý đưa cho bà L sổ đất để vay tiền. Nay ông S có yêu cầu độc lập yêu cầu bà L trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông S mà bà L đang giữ. Do công việc bận bịu nên phía ông S xin vắng mặt tại các phiên tòa xét xử.

Tại phiên tòa ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hớn Quản phát biểu như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc thu thập chứng cứ, giải quyết vụ án từ khi nhận đơn, thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử mở phiên toà. Tại phiên toà hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội Dng: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào các lời khai của đương sự được xem xét tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về số tiền cho vay gốc. Buộc bà L, ông P thanh toán cho bà L số tiền 1.400.0000.000 đồng trong hợp đồng vay tài sản và chấp nhận việc trả lãi 0,83%. Đối với số tiền nợ 50.000.000đ do bà L rút yêu cầu nên đề nghị HĐXX đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này. Các vấn đề khác đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật: Bà L T K L khởi kiện bà L, ông P yêu cầu bà L, ông P thanh toán tiền vay nợ. Bà L, ông P có nơi cứ trú tại ấp An S, xã Thanh An, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước nên đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015; Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Sau khi Tòa án đã thụ lý đơn kiện, thụ lý vụ án của bà L đối với bà L, ông P về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước đã thực hiện việc tống đạt các văn bản tố tụng và triệu tập bà L, ông P

đến Tòa án để làm việc. Đối với nguyên đơn bà L, đại diện theo ủy quyền của bà L là bà Bình, người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan ông S, ông H, bà D Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và tại phiên tòa bà L, bà Bình vắng mặt và có yêu cầu xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn bà L, ông P; người đại diện theo ủy quyền là bà H đã được tống đại hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan theo quy định tại khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội Dng vụ án:

2.1. Xét hợp đồng vay tài sản ngày 04/7/2023 giữa bà L T K L và ông D V P: Ngày 04/7/2023 ông D V P có vay của bà L T K L số tiền 1.400.000.000 đồng, hai bên có làm hợp đồng vay nợ là giấy tờ thỏa thuận giữa các bên và có chữ ký của ông P; bà L là vợ ông P trình bày không biết ông P vay tiền nhưng thừa nhận đấy là nợ chung và sau đó bà L cũng ký vào giấy vay tiền. Vì vậy đây là sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Ông P, bà L vay tiền với mục đích làm ăn, thời Hn vay là 02 tháng (60 ngày) với lãi suất thỏa thuận nhưng ông P, bà L chưa thanh toán cho bà L khi đến Hn, mặc dù bà L đi đòi nhiều lần là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên bà L khởi kiện bà L, ông P thanh toán tiền vay gốc để thu hồi vốn, yêu cầu tính lãi suất là phù hợp nên cần buộc bà L, ông P có nghĩa vụ thanh toán số tiền đã vay nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người cho vay.

2.2 Đối với mức lãi suất các bên thỏa thuận: Khi bà L cho bà L, ông P vay tiền các bên không thỏa thuận cụ thể lãi suất là bao nhiêu.

Quá trình làm việc tại tòa án bà L, ông P và bà L đều thống nhất chưa đóng tiền lãi cho bà L đối với số tiền nợ gốc 1.400.000.000đ và nay bà L yêu cầu bà L, ông P thanh toán lãi với lãi suất 0,83%/tháng thì bà L, ông P đồng ý. Cụ thể: 1.400.000.000 đồng x 0,83% x 14 tháng 13 ngày (từ ngày vay 04/07/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm 16/9/2024) = 167.715.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Việc các đương sự thỏa thuận hợp đồng vay có kỳ Hn, lãi suất theo thỏa thuận và yêu cầu tính mức lãi suất 0,83%/tháng/số tiền vay là phù hợp với quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của bà L T K L về mức lãi suất. Buộc ông D V P, bà N T H L phải thanh toán cho bà L T K L số tiền lãi trên số tiền vay với mức lãi suất bà L yêu cầu là 0,83%/tháng đối với số tiền vay, tương ứng thời gian vay, từ ngày 04/07/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm *(ngày 16/9/2024)* là 14 tháng 13 ngày. Cụ thể: 1.400.0000.000 đồng x 0,83% x 14 tháng 13 ngày, thành tiền là 167.715.000 đồng.

2.3 Về nghĩa vụ thanh toán nợ: Nguyên đơn bà L khai khi vay nợ thì vợ chồng bà L, ông P cùng vay nên chỉ yêu cầu vợ chồng bà L, ông P cùng thanh toán nợ. Hội đồng xét xử xét thấy: Các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của

nguyên đơn, bị đơn được xem xét tại phiên tòa, xác định bà L, ông P là người trực tiếp vay nợ của bà L, việc vay nợ không L quan đến các thành viên trong gia đình bà L, ông P và bà L yêu cầu bà L, ông P cùng có nghĩa vụ trả nợ. Ngoài ra bà L, ông P cũng đồng ý cùng có nghĩa vụ thanh toán nợ cho bà L nên cần buộc bà L, ông P có nghĩa vụ thanh toán nợ cho bà L là phù hợp.

2.4 Đối với yêu cầu khởi kiện trả số tiền 50.000.000đ: Do bà L rút một phần yêu cầu khởi kiện với số tiền 50.000.000đ theo giấy vay tiền ngày 22/5/2017 nên cần đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu khởi kiện này của bà L.

2.5 Về việc giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm tin: Khi cho bà L, ông P vay tiền bà L có giữ 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm tin BK 159400 đứng tên ông N V S và DH 958538 đứng tên ông Đ H, bà T D (do ông H đại diện đứng tên). HĐXX xét thấy khi bà L cho ông P, bà L vay tiền và giữ 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đất để làm tin thì ông S và ông H đều không biết và không ủy quyền cho ông P; ông P tự ý đưa cho bà L giữ, chưa được sự đồng ý của ông S, ông H nên việc đưa làm tin (bản chất là sự việc thế chấp) không hợp pháp nên vô hiệu. Ngoài ra bà L cũng đồng ý hoàn trả lại 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông S, ông H. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan ông S, ông H. Buộc bà L trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông S, ông H cho ông S, ông H.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Tại phiên tòa ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước là có căn cứ pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự có giá ngạch: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà L được chấp nhận nên bị đơn bà L, ông P phải chịu án phí theo quy định.

Bà L chịu 300.000đ án phí DSST không có giá ngạch đối với yêu cầu độc lập của ông S được chấp nhận. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho ông S.

Bà L chịu 300.000đ án phí DSST không có giá ngạch đối với yêu cầu độc lập của ông H được chấp nhận. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho ông H.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 228, 146, 147 và các Điều 264, 266, 267 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 117, 122, 398, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 167 Luật đất đai năm 2013.

Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L T K L.

1. Buộc ông D V P, bà N T H L có nghĩa vụ trả cho bà L T K L số tiền 1.400.000.000 *(Một tỷ bốn trăm triệu)* đồng tiền gốc trong hợp đồng vay tài sản và tiền lãi là 167.715.000 *(Một trăm sáu mươi bảy triệu bảy trăm mười lăm ngàn)* đồng. Tổng cộng là 1.567.715.000 *(Một tỷ năm trăm sáu mươi bảy triệu bảy trăm mười lăm ngàn)* đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu khởi kiện của bà L T K L đối với yêu cầu khởi kiện bà N T H L, ông D V P trả số tiền 50.000.000 *(Năm mươi triệu)* đồng.

3. Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ L quan ông N V S. Buộc bà L T K L hoàn trả lại cho ông N V S giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 91, tờ bản đồ 13 diện tích 7884,8m^2 tọa lạc ấp An Hòa, xã Thanh An, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước, có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số sổ phát hành BK 159400, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 00936 do UBND huyện Hớn Quản cấp ngày 31/8/2012 đứng tên ông N V S.

4. Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ L quan ông Đ H. Buộc bà L T K L hoàn trả lại cho ông Đ H giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 524, tờ bản đồ 11 diện tích 16281,0m^2 tọa lạc ấp Bù Dinh, xã Thanh An, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số sổ phát hành DH 958538, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS 10423 do sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Phước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Đ H.

5. Về án phí: Bà N T H L, ông D V P phải chịu 59.031.000đ *(Năm mươi chín triệu không trăm ba mươi mốt ngàn)* đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Bà L T K L chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với yêu cầu độc lập của ông S được chấp nhận.

Bà L T K L chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với yêu cầu độc lập của ông H được chấp nhận.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hớn Quản hoàn trả lại cho ông N V S 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005431 ngày 31/7/2024.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hớn Quản hoàn trả lại cho ông Đ H 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005424 ngày 29/7/2024.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong Hn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN	THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Phạm Quốc Vượng Trương Thị Ngọc Linh	Đỗ Đình Thuyên